

ĐỒNG EURO VÀ CUỘC KHỦNG HOẢNG NỢ CÔNG CHÂU ÂU

Ths. Đinh Công Hoàng

Trường Đại học Tổng hợp Coventry – Vương quốc Anh

1. Mở đầu

Đồng Euro và cuộc khủng hoảng nợ công tại châu Âu đang là đề tài nóng nhất, gây nhiều tranh cãi và bất đồng giữa những nhà lãnh đạo, hoạch định kinh tế học trên thế giới: Đồng Euro có thực sự đã là sự lựa chọn khôn ngoan cho các nước thành viên EU, và nó có thể tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế tài chính toàn cầu hay không?

Bài viết này sẽ giới thiệu những cơ sở nền tảng chung của Liên minh Tiền tệ Kinh tế Châu Âu (EMU) và sự ra đời của đồng Euro, phân tích những lợi ích mang lại cho các nước thành viên Euro và cả phần còn lại của thế giới. Cả điểm mạnh và điểm yếu của đồng Euro cũng đều được đưa ra xem xét. Tác giả còn đưa ra những ví dụ và những nghiên cứu với những góc nhìn khác nhau của các học giả trên thế giới.

2. Những cơ sở nền tảng của đồng Euro

Đồng Euro nổi lên trong bối cảnh mà toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập kinh tế đã trở thành xu thế không thể thay đổi của loài người. Trải qua 40 năm hội nhập khu vực, Liên minh Châu Âu (EU) đã phát triển

từ một khu vực tự do thương mại, liên minh thuế quan chung, thị trường chung, liên minh kinh tế tiền tệ, một đồng tiền chung (Euro) và cuối cùng là một liên minh chính trị cho tất cả các nước thành viên (Song V 2011). Liên minh Châu Âu thực sự đã đi một chặng đường dài trong việc xây dựng và phát triển để trở thành một liên minh về kinh tế, chính trị như hiện nay.

1. Lý thuyết Khu vực đồng tiền tối ưu

Đầu tiên, đồng Euro bắt nguồn từ ý tưởng về lý thuyết “*khu vực đồng tiền tối ưu*”, được giới thiệu bởi nhà Nobel kinh tế, Robert Mundell vào năm 1961. Lập luận chung cho rằng, các cá nhân, tổ chức và nhà nước sẽ nhận được nhiều lợi ích từ việc chia sẻ một đồng tiền chung được chấp nhận và sử dụng ở mọi nơi mà không cần phải chuyển đổi ngoại tệ khi đi du lịch, cũng như các hoạt động xuất nhập khẩu (Baldwin và Wyplosz, 2009). Lý thuyết “*khu vực đồng tiền tối ưu*” vì thế cố gắng trả lời một câu hỏi hóc búa là: “*Số lượng đồng tiền tối ưu được sử dụng và lưu thông trong một khu vực là bao nhiêu?*” (Horvath và Komarek, 2002).

Từ quan điểm kinh tế học, “*khu vực đồng tiền tối ưu*” xảy ra khi chi phí và lợi

nhuận chênh lệch gặp nhau, khi một đồng tiền chung được sử dụng bởi các nước thành viên. Nói cách khác, việc nhiều đồng tiền được lưu thông sử dụng trong một khu vực một mặt sẽ mang lại sự đa dạng, nhưng mặt khác sẽ gây nên hiệu ứng sốc bất cân xứng đối với các nước thành viên tham gia đồng tiền chung. Hiệu ứng sốc này sinh ra do sự khác biệt về cấu trúc hệ thống và cấu trúc kinh tế xã hội như: hệ thống luật pháp, sự khác nhau về lĩnh vực tài chính, ngân hàng hay công nghiệp, cấu trúc nợ công, đặc điểm quan hệ giữa công đoàn, doanh nghiệp và chính phủ v.v. (Baldwin và Wyplosz, 2009). Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay, ví dụ điển hình nhất đó là những nước có nền kinh tế yếu kém sẽ phải chịu ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc nhất (Hy Lạp)...

Với các ý tưởng đóng góp của nhiều học giả từ thập kỷ 1960 – 1970, nhằm giảm bớt hiệu ứng sốc bất cân xứng, có bảy điều kiện đã được đưa ra cho một khu vực đồng tiền tối ưu. Bốn điều kiện chính về kinh tế bao gồm: Yếu tố di chuyển về vốn, sức lao động và chu trình kinh doanh (Mundell, 1961); Mức độ mở cửa của nền kinh tế (McKinnon, 1963); và Đa dạng hóa sản phẩm hàng hóa (Kenen, 1969). Ba điều kiện về chính trị là: Chủ nghĩa liên bang về tiền tệ (Kenen, 1969); Hội nhập chính sách (Ingram, 1969), Haberler (1970), và Tower Willer (1970); và Mức độ tương đồng về lạm phát (Fleming, 1971), (Song, 2011).

2. Liên minh Kinh tế Tiền tệ Châu Âu (EMU)

Đồng Euro lần đầu được đưa vào lưu thông như là đồng tiền chung duy nhất cho 11/15 nước thuộc Liên minh Châu Âu vào ngày 1 tháng 1 năm 1999. Sự ra đời của nó thực tế bắt nguồn từ Hiệp ước Maastricht vào tháng 11 năm 1993 với sự thành lập của Liên minh Kinh tế Tiền tệ Châu Âu (EMU) (Dinh T, 2004). EMU, theo định nghĩa là hệ thống tỷ giá hối đoái cố định được sự thỏa thuận, đồng ý giữa các quốc gia thành viên trong EU (Sloman và Hinde, 2007). EMU là giai đoạn cuối cùng của thị trường chung châu Âu. Liên minh Châu Âu dựa vào ba trụ cột chính: đồng Euro (nay là 17 nước), thị trường chung, và hệ thống điều phối chính sách chung.

Năm điều kiện để gia nhập EMU là: Đồng tiền của các nước phải được nằm trong hệ thống cơ chế tỉ giá hối đoái cũ (ERM) ít nhất 2 năm; Mức lạm phát thấp (không vượt quá 1,5% so với mức trung bình của 3 nền kinh tế có mức lạm phát thấp nhất châu Âu); Lãi suất dài hạn (không vượt quá 2% so với mức trung bình của 3 nền kinh tế có mức lãi suất thấp nhất châu Âu); Thâm hụt ngân sách thấp (dưới 3% tổng thu nhập quốc dân GDP); và Mức nợ công (dưới 60% tổng thu nhập quốc dân GDP) (Weerapan, 2004).

Khi EMU được thành lập, cùng với các Ngân hàng Trung ương quốc gia các nước thành viên, một Ngân hàng Trung ương

Châu Âu mới, gọi tắt là ECB, sẽ thay mặt các nước thành viên, có nhiệm vụ điều phối các chính sách tiền tệ chung của khu vực. Mục tiêu đầu tiên của ECB là bình ổn giá cả: Duy trì mức lạm phát dưới 2% cho cả khu vực kinh tế đồng Euro (Điều 15). Một nhiệm vụ quan trọng nữa là đảm bảo phát triển kinh tế xã hội và tỉ lệ thất nghiệp ở mức thấp (Điều 2) (Baldwin và Wyplosz, 2009). Chính sách tài khóa và các chính sách khác vẫn được quản lý bởi các quốc gia thành viên, nhưng phải tuân theo những quy tắc chung của Khối (Song V 2011).

3. Những lợi ích với các nước thành viên Liên minh Châu Âu

Mặc dù còn tồn tại những bất lợi, ví dụ như quyền tự quyết về chính sách tiền tệ và các chính sách nội bộ khác như những rủi ro về hiệu ứng sốc bất cân xứng, sự thay đổi của các hệ thống tài khóa, hoặc tiếng nói yếu thế của các nền kinh tế qui mô nhỏ hơn, song nhìn toàn cục, những lợi ích vẫn là yếu tố thúc đẩy các nước EU sử dụng đồng tiền chung Euro.

Nhìn chung những lợi ích của đồng Euro đã mang lại cho các nước thành viên, đặc biệt trong thương mại quốc tế, là khá đa dạng:

1. Từ góc độ địa - chính trị

Ở cấp toàn cầu, việc sử dụng đồng tiền chung Euro bởi các nước thành viên Liên

minh Châu Âu đã giúp nâng cao vị thế tài chính và chính trị của đồng tiền này trong thị trường tài chính quốc tế. Tác giả Mundell (2000) nhận xét rằng sau khi đồng Euro ra đời, xu thế chủ đạo của nền kinh tế thế giới được định hình bởi ba đồng tiền chính là đôla (Mỹ), Yên (Nhật) và đồng Euro (Liên minh Châu Âu).

Ở cấp khu vực, những điều phối chính sách tiền tệ đã có kết quả tốt hơn cho các nước thành viên. Điều đó có nghĩa là EMU đã đưa ra những chính sách tiền tệ nhằm kết hợp giữa hệ thống tỉ giá hối đoái linh hoạt với tỉ giá hối đoái cố định, đáp ứng nhanh nhạy với những thay đổi của thị trường bên ngoài. Một Ngân hàng Trung ương với nhiều quyền lực sẽ hiệu quả hơn trong việc đạt được mức hội nhập kinh tế cao hơn cho toàn Khối, so với hệ thống ERM trước kia (Weerapan, 2004).

Ở cấp quốc gia, đồng Euro sẽ giúp thúc đẩy ổn định kinh tế vĩ mô (bởi mức lạm phát thấp) và tăng trưởng kinh tế bền vững, cũng như đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu, tái cấu trúc, giúp các nền kinh tế các quốc gia thành viên hoạt động hiệu quả hơn trong triển vọng dài hạn (Dinh T., 2004).

Ở cấp doanh nghiệp, hệ thống lãi suất thấp, có nghĩa là chi phí kinh doanh sẽ thấp

hơn, sẽ giúp cho các doanh nghiệp có thể tìm kiếm nhiều cơ hội phát triển tại các thị trường khác nhau trong Liên minh Châu Âu.

Ở cấp độ cá nhân, du lịch cũng như mua sắm tiêu dùng sẽ rẻ hơn và dễ dàng hơn cho các công dân EU. Một nghiên cứu ước tính, chi phí đã giảm 6,25% cho khách du lịch trong khu vực đồng Euro (Pareja, Vivero và Serrano, 2007).

2. Từ góc độ tài chính: Có một số lợi ích cơ bản như:

Thứ nhất, đồng Euro đã mang lại sự bình ổn lớn hơn cho hệ thống hối đoái trao đổi ngoại tệ khi đã loại bỏ rủi ro do những thay đổi tỉ giá giữa các đồng tiền các quốc gia. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong hoạt động ngoại thương trong khu vực đồng Euro.

Thứ hai, đồng Euro loại bỏ nhu cầu chuyển đổi các ngoại tệ giữa các nước thành viên. Việc sử dụng một đồng tiền chung Euro đã tiết kiệm 30 tỉ đôla mỗi năm (Portone, 2004), cho chi phí giao dịch chuyển đổi ngoại tệ khi các ngân hàng quốc tế thường tính mức phí từ 1% đến 2% cho mỗi giao dịch khi chuyển đổi từ một ngoại tệ này sang ngoại tệ khác (Weerapan, 2004).

Cuối cùng, đồng Euro mang tới tính minh bạch và tiệm cận về giá cả giữa các nước thành viên Liên minh Châu Âu. Khi giá cả sản phẩm và dịch vụ trong khu vực đồng Euro trở nên minh bạch và tiệm cận hơn, chính phủ sẽ ít phải sử dụng những rào cản

để hạn chế thương mại. Ngoài ra, nó cũng giúp ngăn chặn các hoạt động mua bán ngoại tệ của giới đầu cơ ngắn hạn.

3. Từ góc độ kinh doanh và thương mại quốc tế

Về lý thuyết, rất nhiều nhà làm chính sách và kinh tế học cho rằng, bằng việc sử dụng đồng EURO, một hệ thống tỷ giá hối đoái ổn định sẽ thúc đẩy hội nhập kinh doanh và thương mại quốc tế, giữa các nước thành viên trong khu vực đồng Euro. Điều này chứng minh cho giả thiết của McKinnon rằng các thành viên sẽ “mở hơn” và “giao dịch thương mại nhiều hơn” trong “khu vực đồng tiền tối ưu” Lý do đã được đề cập ở trên là: Một đồng Euro an toàn hơn không chỉ giảm thiểu chi phí giao dịch, mà còn giúp loại bỏ những rủi ro thay đổi về tỉ giá giữa các đồng tiền (Baldwin và Wyplosz, 2009).

Theo các kết quả nghiên cứu khác nhau, mức tăng từ 5% tới 20% về thương mại nội khối trong Liên minh Châu Âu (so sánh với các nước không phải thành viên) đã được chứng minh bởi nhiều học giả (Nistseh và Pisu, 2008). Nghiên cứu gần đây của nhóm học giả Baldwin, DiNino, Fontagné, De Santis, và Taglioni (2008) cho Ủy ban Châu Âu lại tập trung giải thích đồng Euro đã giúp tăng trưởng về thương mại như thế nào. Họ thấy rằng việc tăng trưởng thương mại này chủ yếu là do có ngày càng nhiều hơn số lượng các doanh nghiệp và sản phẩm xuất khẩu được trao đổi thương mại giữa các nước thành viên. Do loại bỏ được các chi phí cố định và các chi phí khác nên đồng Euro

đã giúp cho “những doanh nghiệp chưa từng xuất khẩu đã bắt đầu tìm kiếm được những cơ hội xuất khẩu” và “những doanh nghiệp đã xuất khẩu bắt đầu mở rộng quy mô cũng như danh mục sản phẩm của mình ra thị trường bên ngoài”

Một số nghiên cứu khác lại cho rằng, nền kinh tế của các quốc gia khu vực đồng Euro thực sự đã được hội nhập sâu rộng từ trước khi đồng Euro ra đời, vì vậy sẽ có rất ít tác động của đồng tiền này vào các hoạt động thương mại của các nước thành viên ban đầu (Silva và Tenereyro 2010) và mức tăng trưởng thương mại thực chất chỉ là sự tiếp nối xu thế phát triển trong dài hạn, kết quả của một loạt các chính sách hội nhập kinh tế mạnh mẽ của EMU (Berger và Nitsch 2008).

Đối với các hình thức FDI (đầu tư trực tiếp) và M&A (liên kết và sáp nhập), đồng Euro cũng giúp hấp dẫn đầu tư trực tiếp và mở rộng sản xuất cả trong nội Khối cũng như bên ngoài Liên minh Châu Âu. Về con số, tác động về FDI bởi đồng Euro không hoàn toàn rõ ràng, nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đồng ý nó có tác động tích cực, và ước đoán mức tăng từ 15% tới 200% cho các dòng đầu tư nội Khối giữa các nước thành viên, và mức tăng từ 7,5% tới 100% cho các dòng đầu tư từ bên ngoài vào Liên minh Châu Âu. Điều đó có nghĩa là đồng Euro “hấp thụ” rất tốt dòng đầu tư từ bên ngoài, tuy nhiên tác động này chỉ bằng một nửa so với các dòng đầu tư trong nội khối giữa các nước thành viên. Ngoài ra, tác động

của đồng Euro vào FDI tại lĩnh vực sản xuất lớn hơn rất nhiều so với lĩnh vực dịch vụ, I do có thể do các rào cản bảo hộ áp đặt cho ngành dịch vụ lớn hơn so với hoạt động sản xuất. Cuối cùng, các tác giả cũng cho rằng đồng Euro đã thúc đẩy các hoạt động M&A (liên kết và sáp nhập) bởi cả doanh nghiệp có quy mô lớn cũng như vừa và nhỏ (Baldwin DiNino, Fontagné, De Santis và Taglioni 2008).

4. Lợi ích với các nước trên thế giới

Đồng Euro không chỉ mang lại lợi ích cho các nước thành viên EU mà các quốc gia và khu vực khác trên thế giới cũng được hưởng lợi nhiều từ sự ra đời của nó.

Ở mức độ quốc tế, sự ra đời của đồng Euro đã giảm thiểu rủi ro về nguy cơ đôla hóa nền kinh tế toàn cầu, bởi sự phụ thuộc thái quá vào đồng đôla Mỹ và kinh tế Mỹ trong giao dịch thương mại và tài chính (Dinh T., 2004). Nó giúp đa dạng hóa dự trữ ngoại tệ của mỗi quốc gia (đôla Mỹ, Yên Nhật và Euro), đồng Euro đã trở thành đồng tiền dự trữ quan trọng và trong giao dịch thương mại quốc tế của nhiều quốc gia trên thế giới.

Ở mức độ khu vực, nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng trên bản đồ thế giới, đồng Euro có tầm ảnh hưởng lớn trong việc thúc đẩy các hoạt động thương mại quốc tế tại các khu vực như: Trung và Đông Âu (những nước trước kia sử dụng đồng Mark Đức), châu Phi (những nước chịu ảnh hưởng bởi đồng Franc Pháp), khu vực Trung Đông

(những nước có vị trí địa lý và quan hệ kinh doanh truyền thống với châu Âu) và châu Á (bởi rất nhiều các hoạt động trao đổi thương mại như Diễn đàn kinh tế Á - Âu ASEM) (Dinh T., 2004).

Với các nước khác, khu vực đồng Euro với dân số và thị trường rộng lớn, sử dụng một đồng tiền chung sẽ mang lại những cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp xuất khẩu tìm kiếm cơ hội hợp tác cùng phát triển.

5. Đồng Euro và cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu

1. Nguyên nhân khủng hoảng nợ công

Lý do xảy ra cuộc khủng hoảng nợ công trầm trọng ở châu Âu hiện nay (tại Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Ireland, và Ý) là do có rất nhiều các nguyên nhân, cả bên trong lẫn bên ngoài, trực tiếp và gián tiếp, nhưng phần lớn đều có liên quan đến đồng Euro và những vấn đề của hệ thống tài chính ngân hàng của châu Âu. Đầu tiên là việc ECB đã đưa ra chính sách lãi suất thấp, điều đó đã khuyến khích các chính phủ và doanh nghiệp vay tiền các ngân hàng một cách dễ dàng để phục vụ cho các hoạt động đầu tư, sản xuất, chi tiêu công. Điều này cuối cùng sẽ dẫn đến việc chi tiêu vượt mức và làm tăng nợ công. Thứ hai, giá trị đồng euro đắt lên tương đối so với đồng đôla Mỹ bởi ít nhất có ba lý do: Một là chiến lược đồng đôla yếu của Mỹ, hai là chính sách tiền tệ không linh hoạt của ECB (để đạt mục tiêu lạm phát thấp) và ba là hoạt động làm méo

mó thị trường của giới đầu cơ ngoại tệ. Thủ tướng Hy Lạp, Tây Ban Nha và đặc biệt là bà A.Markel, Thủ tướng Đức cho rằng chính các quỹ và giới đầu cơ đã lợi dụng tình hình và làm xấu hơn cuộc khủng hoảng nợ công tại Hy Lạp và các quốc gia khác khi bán không đồng Euro để kiếm lời. Việc đồng Euro “đắt lên” như vậy đã làm cho sản phẩm xuất khẩu khó cạnh tranh trên thị trường quốc tế, cũng như thúc đẩy nhập khẩu hàng hóa vào nội địa đã làm tăng chi tiêu công. Mặt khác, do các nước quản lý kinh tế yếu kém, chi nhiều hơn thu, thiếu minh bạch, làm ít hưởng nhiều, “vung tay quá trán”, tô hồng thổi phồng các báo cáo, biến nợ xấu của tư nhân thành nợ xấu của nhà nước...

Hiệu ứng domino này dẫn đến việc, đầu tiên là các doanh nghiệp không tạo ra doanh thu và thanh toán được các khoản nợ đến hạn (cuộc khủng hoảng 2008 bắt nguồn từ khu vực tư nhân); Sau đó doanh nghiệp bắt đầu cầu cứu chính phủ, giãn nợ, đảo nợ hay mua lại nợ tư nhân, khi đó nợ tư nhân chuyển thành nợ công, cuối cùng dẫn đến tình trạng nợ công ngày càng cao như hiện nay (Vovnews, 2011).

Một nguyên nhân xa hơn nữa của các khoản nợ là bong bóng tài chính được bắt đầu thổi lên từ giai đoạn 2000-2007, thời kỳ nền kinh tế toàn cầu khởi sắc đã tạo ra một nguồn thặng dư tài chính khổng lồ (36.000 tỉ đôla năm 2000 tới 70.000 tỉ đôla năm 2007). Các nhà đầu tư và tổ chức bắt đầu tìm kiếm

những thị trường mang lại lợi nhuận cao hơn và tạo ra những bong bóng ở phạm vi toàn cầu. Khi những bong bóng này bắt đầu nổ, giá trị tài sản giảm và gánh nặng nợ nần được đặt lên vai doanh nghiệp và chính phủ cùng với hệ thống tài chính ngân hàng (với Ireland là bong bóng thị trường bất động sản, Hy Lạp là trái phiếu chính phủ, Iceland là sự phát triển quá nóng của hệ thống ngân hàng...) (CPM, 2011).

Ngoài ra, các nguyên nhân khác có thể kể đến là: toàn cầu hóa tài chính ngày càng sâu rộng và tính lan tỏa nhanh, những điều kiện cho vay tín dụng dễ dàng trong giai đoạn 2002-2008 của các nước Eurozone, sự mất cân bằng về thương mại quốc tế, bong bóng bất động sản bị thổi phồng, tăng trưởng chậm của nền kinh tế toàn cầu, những quyết định chính sách tài khóa không hợp lý trong thu chi của các quốc gia v.v.

2. Thực trạng

Mặc dù cùng rơi vào nhóm có nguy cơ sụp đổ tại cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu hiện nay, nhưng Hy Lạp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha hay Ireland lại mang những đặc điểm rất riêng có thể dẫn tới những kết cục khác nhau. Tính đến thời điểm 2010, so sánh với nợ công của Mỹ là 90.4% GDP và Nhật là gần 200% (GDP), nợ công của cả khối Liên minh Châu Âu là 80% GDP, trong đó: Hy Lạp 123% GDP, Italy 127% GDP, Ireland 142%, Bồ Đào Nha 87,9%, Tây Ban Nha 73,5%. Nạn nhân mới nhất có thể sẽ là Pháp với nợ công chạm mức 1.700

tỉ EUR, gần bằng mức 1.900 tỉ EUR của Italy. Tuy nhiên trên thị trường tài chính, khi nhìn vào nợ công của một quốc gia, câu hỏi quan trọng lại là ai đang là chủ nợ của chúng: Nợ nước ngoài hay nợ người dân? Điều này làm cho bài toán khá phức tạp và mang đến những kết quả khác nhau với các nước nợ công trên. Nếu các chính phủ này nợ nước ngoài thấp, nợ chủ yếu do người dân nắm giữ thì nhà nước có thể giải quyết nợ công bằng cách điều chỉnh thuế từ người dân.

Tuy nhiên, nếu nợ nước ngoài chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu nợ, nguy cơ đổ vỡ sẽ cao hơn rất nhiều. Ví dụ như Bỉ và Ý, có mức nợ công trên GDP cao hơn nhiều so với Bồ Đào Nha, nhưng mức phí rủi ro mà họ phải trả thấp hơn nhiều vì chủ yếu nợ người dân. Bỉ thậm chí còn thặng dư tài khoản vãng lai. Đối với Hy Lạp, việc quan trọng là cải tổ hệ thống tài chính và thực hiện chính sách thắt lưng buộc bụng là cần thiết bởi sự yếu kém đã tồn tại sâu rộng trong hệ thống quản lý nhà nước và sự bất hợp lý trong chính sách quá rộng rãi mà nhà nước tự trao cho khu vực nhà nước. Ireland là một ví dụ khác, vì nước này nợ nước ngoài rất ít và lại có thặng dư tài khoản vãng lai của người dân, chính phủ không cần đến những gói cứu trợ từ bên ngoài mà chỉ phải huy động tiết kiệm của người dân để giải quyết khủng hoảng.

Nợ nước ngoài chính là nguy cơ của khủng hoảng và hiệu ứng sụp đổ domino là điều không thể tránh khỏi nếu một trong

những mất xích trong một cơ thể hoàn chỉnh bị gãy đổ. Tháng 10 năm 2011, Ý nợ các ngân hàng của Pháp lên tới 366 tỉ đôla, điều này lại gây sức ép lên Pháp và các chủ nợ của Pháp, cứ như vậy lan tỏa trong toàn hệ thống tài chính toàn cầu.

Vai trò chèo lái chuỗi domino này của hai nền kinh tế đầu tàu khu vực Eurozone là Pháp và Đức là rất lớn. Tuy nhiên đang có những bất đồng trong cách giải quyết khủng hoảng của Đức và Pháp. Trong khi Đức muốn có một cơ chế giám sát tài chính chặt chẽ hơn, sẵn sàng đưa ra những trừng phạt bắt buộc thì Pháp lại không muốn trao quyền hoàn toàn cho Ủy ban Châu Âu, mà cho lãnh đạo các nước để tránh tình trạng mất chủ quyền (Kinh tế và dự báo, 2011).

Chính những bất đồng khi các nước thành viên bị chia rẽ trong các quyết định về tài khóa và tiền tệ, trong khi ECB không thể thay mặt cho toàn khối như một Ngân hàng Trung ương thực thụ mà phải chờ đủ sự đồng thuận của 17 nước thành viên, nên người ta còn gọi cuộc khủng hoảng này là cuộc khủng hoảng chính trị. Cùng đối mặt với khủng hoảng nợ công nhưng Mỹ, Anh, Nhật... lại có những chủ quyền tiền tệ riêng khi đưa ra những chính sách mạnh tay, quyết liệt như mua lại các khoản nợ xấu hay in tiền để đối phó với khủng hoảng ... (Vovnews, 2011)

Trong khi thời gian cho các quyết định đang rất gấp rút và nhạy cảm, đòi hỏi sự đồng thuận chính trị rất cao và nhanh chóng trong cả khu vực, việc phản ứng chậm trước

khủng hoảng cũng là một nguyên nhân dẫn đến kết quả như hiện nay.

3. Diễn biến và giải pháp

Cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu thực chất là sự tiếp diễn cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008.

Ngày 2/5/2010, các nước thành viên khu vực Eurozone và IMF đã thông qua khoản vay 110 tỉ đôla cho Hy Lạp với điều kiện buộc nước này phải thực hiện kế hoạch thắt lưng buộc bụng ngân sách.

Ngày 9/5/2010, Bộ trưởng Tài chính Châu Âu thông qua gói cứu trợ trị giá 750 tỉ Euro để đảm bảo ổn định tình hình tài chính khu vực và lập ra Ủy ban Ổn định Tài chính Châu Âu.

Tháng 11/2010, gói cứu trợ 85 tỷ Euro được thông qua cho Ireland, 78 tỷ Euro cho Bồ Đào Nha vào tháng 5/2011.

Hội nghị thượng đỉnh Liên minh Châu Âu, tại Brussels vào hai ngày 8 và 9 tháng 12/2011, gồm 17 nước sử dụng đồng Euro và 7 nước thuộc Liên minh Châu Âu, vẫn diễn ra căng thẳng... Bên thêm Hội nghị, Tổng thống Pháp N.Sakorsy phát biểu: "*Chưa bao giờ châu Âu lại nguy hiểm như hiện nay*", còn Thủ tướng Đức A.Merkel lại nói: "*Đồng Euro đã bị mất uy tín và khi cần phải khôi phục lại điều này*" Tuy nhiên, hai đầu tàu kinh tế là Pháp và Đức đã khẳng định sự đồng thuận và cam kết cải tổ Eurozone. Trong đó các điểm chính là:

a) Ủy ban Châu Âu có quyền xử phạt các nước không tuân theo cam kết về ngân sách;

b) Cả 17 nước khu vực Eurozone phải thực thi cải tổ, thay đổi luật pháp riêng nhằm cân bằng ngân sách;

c) Các nước Eurozone sẽ được áp đặt các khoản thuế doanh nghiệp và giao dịch tài chính giống nhau;

d) Các khoản hỗ trợ tài chính trong tương lai sẽ không bắt buộc các nhà đầu tư cá thể phải chịu như trường hợp với Hy Lạp vừa qua.

Đáng chú ý, Anh - nước đứng đầu nhóm theo chủ nghĩa biệt lập, cùng với Thụy Điển, Czech và Hungary, đã tuyên bố “*sẽ phủ quyết bất cứ điều gì phương hại đến quyền lợi của Anh quốc*” Điều này không nằm ngoài dự đoán của giới phân tích nhưng cũng gặp phải sự giận dữ rất lớn từ phía các nước thành viên Liên minh Châu Âu (BBC, 2011).

Cuối cùng, sau 10 tiếng đồng hồ tranh luận, đến sáng ngày 9/12/2011, Liên minh Châu Âu đã đạt được sự đồng thuận cao (trừ nước Anh) về “tăng cường kỷ luật ngân sách” Ngoài 4 điểm như trên đã nêu, có 2 biện pháp là: Thành lập “Cơ chế ổn định Châu Âu” (EMS) sớm hơn một năm, kể từ tháng 7/2012; Thứ hai là “Quỹ Bình ổn tài chính Châu Âu FESF” được gia hạn đến giữa năm 2013.

Trước đó Liên minh Châu Âu đã đưa ra các giải pháp cả ngắn hạn và dài hạn như sau:

Về ngắn hạn

Quỹ Bình ổn tài chính Châu Âu (EHSF): ngày 9/5/2010, 27 nước châu Âu đã đồng ý thành lập Quỹ Bình ổn tài chính Châu Âu, một công cụ tài chính hợp pháp giúp đảm bảo ổn định tài chính tại châu Âu.

Cơ chế Bình ổn tài chính Châu Âu (EFSM): Ngày 5/1/2011, Liên minh Châu Âu thành lập Cơ chế Bình ổn tài chính Châu Âu, đây là một quỹ khẩn cấp lấy vốn từ các thị trường tài chính và ngân sách của Liên minh Châu Âu dưới sự đảm bảo bởi Ủy ban Châu Âu.

Hiệp ước Brussels: Ngày 26/10/2011, lãnh đạo 17 nước đã họp tại Brussel và đồng ý xóa 50% nợ cho Hy Lạp bằng quỹ cứu trợ do Quỹ Bình ổn tài chính Châu Âu thực hiện.

Sự can thiệp của ECB: ECB đã thực hiện một số những biện pháp nhằm hạn chế tính bất ổn và nâng cao tính thanh khoản của thị trường tài chính.

Đầu tiên, ECB bắt đầu mua lại các khoản nợ của chính phủ và tư nhân, lên tới 200 tỉ Euro cho đến cuối tháng 10/2011; Tiếp theo, ECB công bố kế hoạch phân phối các hoạt động tái cung cấp vốn dài hạn; Thứ ba, ECB khởi động lại hợp đồng hoán đổi với đồng đôla dưới sự hỗ trợ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ.

Sẽ tiến hành cải tổ và tái cơ cấu đối với hệ thống tài chính ngân hàng, quản lý nhà

nước, tái cấu trúc nền kinh tế, khu vực đầu tư công, tăng tính cạnh tranh tại các khu vực kinh tế yếu kém trong một môi trường minh bạch và công bằng hơn...

Về dài hạn

Liên minh Tài khóa Châu Âu (European fiscal union): Đức, Pháp và các nước đã tiến thêm một bước nữa trong việc thiết lập một Liên minh Tài khóa trong khu vực Eurozone, với những cơ chế kiểm soát tài khóa chặt chẽ và trừng phạt nghiêm với các thành viên trong Hiệp ước của Liên minh Châu Âu. Anh là nước không đồng ý tham gia Liên minh này.

Trái phiếu Châu Âu (Eurobonds): Ngày 21/10/2011, Ủy ban Châu Âu đề đạt phát hành Trái phiếu Châu Âu cho 17 nước khu vực Eurozone, đây sẽ là một cách hiệu quả để giải quyết khủng hoảng hiện nay. Tuy nhiên, theo ông Jose Manuel Barroso, kế hoạch này phải kèm theo hệ thống giám sát tài khóa chặt chẽ và điều phối chính sách kinh tế để tránh những hậu quả do các quyết định chính trị gây tổn hại những nước có ít tiếng nói cũng như đảm bảo nguồn tài chính công bền vững. Hiện nay Đức không đồng quan điểm với Ủy ban Châu Âu, nên vấn đề này sẽ thảo luận sau.

Cơ chế Bình ổn Châu Âu (European Stability Mechanism): Là một chương trình quỹ giải cứu dài hạn tiếp theo Quỹ Bình ổn tài chính Châu Âu và Cơ chế Bình ổn tài chính Châu Âu vào giữa năm 2012.

Quỹ tiền tệ Châu Âu (European monetary fund): Thành lập ngày 20/10/2011, là sáng kiến chuyển đổi từ Quỹ Bình ổn tài chính Châu Âu. Quỹ này có thể cung cấp cho các chính phủ Trái phiếu Châu Âu có lãi suất cố định ở mức thấp hơn một chút so với mức tăng trưởng kinh tế trong trung hạn.

6. Kết luận

Đồng Euro đang trải qua thời khắc khó khăn nhất kể từ ngày nó ra đời, trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng nợ công và suy thoái của nền kinh tế toàn cầu, tuy nhiên đây cũng là một cơ hội để thử nghiệm tính ưu việt của nó, cũng như quyết tâm chính trị được theo đuổi từ rất lâu của các nhà lãnh đạo châu Âu. Việc cho ra đời Quỹ Bình ổn Châu Âu, đề cao vai trò của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), tái cấu trúc các nền kinh tế yếu kém, kiểm soát chặt chẽ hệ thống tài chính ngân hàng và chi tiêu của các nước thành viên, sẽ là những bước đi đầu tiên và cần thiết giúp châu Âu vượt qua khó khăn và EU vẫn giữ vai trò của đồng Euro và khu vực Eurozone tiếp tục là đầu tàu quan trọng của nền kinh tế châu Âu và thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. Baldwin R, Wyplosz C (2009), *The economics of European Integration*, 3rd Edition, McGraw-Hill Higher Education, McGraw-Hill.

2. Baldwin, DiNino, Fontagné, De Santis, and Taglioni (2008), *Study on the Impact of the Euro on Trade and Foreign Direct Investment*, Economic Papers 321, European Commission.
3. Berger H, Nitsch V (2008), *Zooming out: the trade effect of the Euro in historical perspective*, IMF working paper, IMF
4. Dinh T. (2004), *The Euro*, Institute for European Studies Vietnam, Vietnam Academy of social sciences.
5. Horvath R, Komarek L (2002), *Optimum currency area theory: an approach for thinking about monetary integration*, Warwick economic research papers, Department of economics, the University of Warwick.
6. Mundell R (2000), *Currency areas, exchange rate systems and international monetary reform*, Journal of applied economics, Columbia University.
7. Pareja S, Vivero R, Serrano J (2007), *The Effect on EMU on tourism*, Review of International Economics 2007.
http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=983231, 10 Apr 2011.
8. Portone D (2004), *The costs and benefits of the Euro in European Monetary Union countries*, The University of North Carolina at Chapel Hill. N.p., n.d. Web. 3 Aug. 2010.
http://www.unc.edu/~salemi/Econ006/Portone_2004.pdf
9. Nitsch V, Pisu M (2008), *The Euro and trade: new evidence*, Voxeu,
<http://www.voxeu.org/index.php?q=node/1400>, 10 Apr 2011].
10. Silva J, Tencreiro S (2010), *Has the euro increase trade? Short answer: no*, Centre Piece Autumn, 2010.
11. Sloman J and Hinde K 2007, *Economics for Business*, 4th Edition, Prentice Hall.
12. Song W (2011), *Exchange rates*, University slides, Critical Issues in Global Business, Coventry University.
13. Weerapan A (2004) Lecture 16: *The European Monetary Union*, Department of Economics, Wellesley College.
14. BusinessWeek 2011, *Merkel slams Euro Speculation, warns of "resentment"*
15. CPM 2011, *The giant pool of money*, Chicago Public Media.
16. Vovnews, 2011, *Châu Âu đang tiến tới một cuộc khủng hoảng tài chính*.
17. Kinh tế và dự báo 2011, *Báo động đỏ cho tương lai của đồng Euro*.
18. BBC Vietnamese, 2011, *Lãnh đạo châu Âu họp bàn khủng hoảng*.